

Bản án số: 409/2021/HC-PT

Ngày 16 tháng 11 năm 2021.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc thu hồi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Chung Văn Kết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 121/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HC-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2376/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 6/2, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.2. Ông Lưu Văn M, sinh năm 1964 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 6/65E, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.3. Bà Lưu Thị N, sinh năm 1967 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 6/28, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.4. Bà Lưu Thị Ng, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 6/1B, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.5. Bà Lưu Thị Ngọc T, sinh năm 1973 (vắng mặt). Địa chỉ: Số C10/5A, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.6. Ông Lưu Sa H, sinh năm 1974 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 61A, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.7. Bà Lưu Thị N1, sinh năm 1979 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 6/1B, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.8. Bà Lưu Kim H, sinh năm 1991 (vắng mặt). Địa chỉ: Số 7/17, khu phố Bình Đ 2, phường Bình H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

1/ Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1991 (Được ủy quyền theo văn bản ngày 09/10/2019 và văn bản ngày 11/11/2019).

2/ Bà Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1998 (Được ủy quyền theo văn bản ngày 26/10/2020).

3/ Ông Nguyễn Chế T, sinh năm 1998 (Được ủy quyền theo văn bản ngày 26/10/2020).

Địa chỉ: Số 12 đường E, khu trung tâm hành chính D, phường D1, thành phố D2, tỉnh Bình Dương. *(Bà Q có mặt, ông H và ông T vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư Công ty Luật TNHH GPV thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty cổ phần (BIC).

Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của BIC: Ông Trương Quốc H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Becamex, số 230 Đại lộ Bình Dương, phường Phú H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020).

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B(vắng mặt).

3.3. Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 321D đường Đ, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Trần Kim D, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3.5 Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D469A, Khu phố Bình H, phường Bình N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956 (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 71 đường C, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Người kháng cáo: Các ông bà Lưu Thị L, Lưu Văn M, Lưu Thị Ngọc, Lưu Thị Ng, Lưu Thị Ngọc T, Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Kim H - Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, những người khởi kiện bà Lưu Thị L, Lưu Văn M, Lưu Thị Ngọc, Lưu Thị Ng, Lưu Thị Ngọc T, Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Kim H có ông Nguyễn Chế T đại diện trình bày:

Thửa đất số 123 tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m² có nguồn gốc của bà Lê Thị Vẹn (là bà cố của những người khởi kiện) khai phá, sử dụng từ chế độ cũ, được Tổng nha Điền địa cấp Trích lục địa bộ. Sau đó, ông Lưu Văn R là cha của của các ông bà Lưu Thị L, Lưu Văn M, Lưu Thị N, Lưu Thị Ng, Lưu Thị Ngọc T, Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Kim H tiếp tục canh tác, sử dụng trồng rau màu từ năm 1975. Ông Lưu Văn R có “Đơn xin kê khai nguồn gốc đất”, được Ủy ban nhân dân xã Bình H xác nhận ngày 01/8/2000 với nội dung: “Nguồn gốc đất của ông bà để lại có TLĐB, ông Lưu Văn R sử dụng từ năm 1975.DT: 3.086m² thửa 123, tờ D2. Nay ông R xin HTH/QSDĐ”. Đến ngày 23/8/2000, ông R được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH đối với thửa đất trên. Trên diện tích đất hiện nay còn 05 phần mộ của ông bà, thân tộc của những người khởi kiện được chôn cất từ trước năm 1975. Ngày 10/7/2002, Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/BH ngày 10/7/2002 cho bà Phạm Thị Tuyết M bao gồm luôn phần đất của ông R thông qua việc hoán đổi đất sản xuất nông nghiệp với Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty cổ phần). Sau đó Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A ban hành Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R”.

Vì vậy những người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A; hủy một phần các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp có liên quan đến thửa đất số 123, tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m², cụ thể: Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/BH ngày 10/7/2002 cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A chỉnh lý tại trang 4 của giấy cấp lại cho bà Trần Kim D, sinh năm 1974, ngụ tại: D469A Khu phố Bình H, phường Bình N, Thuận An ngày 16/9/2002; một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 1204, tờ bản đồ 60, diện tích 7.289m² (Hợp từ 04 thửa số 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ D2).

Tại Văn bản số 670/UBND-NC ngày 11/3/2020 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến: Nguồn gốc thửa đất số 123, tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m² tọa lạc tại khu phố Bình Đức, phường Bình H có nguồn gốc do gia đình ông Căn Văn T sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1996, Ban Chỉ đạo Giải tỏa -

Đền bù tỉnh Sông Bé thực hiện giải tỏa và bồi thường diện tích đất trên cho ông Căn Văn T để thực hiện dự án Nhà máy xử lý nước thải Bình Hòa. Đến ngày 07/02/2002, thửa đất số 123, tờ bản đồ D2 được Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - Công ty cổ phần (BIC) hoán đổi cho bà Phạm Thị Tuyết M quản lý, sử dụng. Ngày 23/8/2000 Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH cho hộ ông Lưu Văn R đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ D2 là không đúng đối tượng sử dụng. Vì thời điểm ngày 30/9/1996, phần đất trên đã được BIC bồi thường cho ông Căn Văn T nên thuộc quyền sử dụng của BIC. Sau đó, BIC hoán đổi cho bà Phạm Thị Tuyết M.

Tại Biên bản làm việc ngày 27/4/2018, các con của ông Lưu Văn R gồm: Ông Lưu Sa H, bà Lưu Thị N1, bà Lưu Kim H, bà Lưu Thị Ng xác định gia đình không sử dụng thửa đất số 123, tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m² tọa lạc tại khu phố Bình Đức, phường Bình H. Tại Biên bản làm việc ngày 28/5/2018, ông Lưu Văn M, bà Lưu Thị Ngọc T và đại diện của bà Lưu Thị N là ông Lưu Đ cho rằng gia đình ông bà có sử dụng thửa đất số 123, tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m² tọa lạc tại khu phố Bình Đ, phường Bình H từ năm 1985 đến năm 1993 thì bỏ đất không sản xuất. Qua xác minh các con của ông Lưu Văn R cũng không biết hộ ông R được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 và cũng không có ai lưu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và trên thực tế cũng không có quá trình sử dụng liên tục đất.

Từ cơ sở trên, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai”, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 cấp cho hộ ông Lưu Văn R là đúng quy định của pháp luật.

Theo hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cung cấp, thể hiện: Sau khi nhận đổi đất của BIC, bà M được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/AH ngày 10/7/2002 đối với 12 thửa đất số: 387, 388, 389, 123, 390, 121, 122, 142, 139, 140, 141, 149 với tổng diện tích đất 12.547m². Ngày 02/8/2002, bà M chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Trần Kim D, sinh năm 1974, ngụ tại: D469A Khu phố Bình H, phường Bình N, Thuận An và được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A chỉnh lý tại trang 4 cấp cho bà D ngày 16/9/2002. Ngoài ra, bà D còn nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Trọng đối với 02 thửa đất số 407, 408 tờ bản đồ D2 diện tích đất 1.034m² vào ngày 31/3/2004, được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An chỉnh lý tại trang 4 của giấy cấp cho bà D ngày 04/6/2004. Ngày 23/8/2017, bà D cùng chồng là ông Nguyễn Thanh H chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất 12.547m² (phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà M) và diện tích đất 1.034m² (phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông Trọng) cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 71, khu phố Đông T, phường L, Thuận A, Bình Dương. Sau đó, bà H có “Đơn đề nghị hợp 04 thửa đất số 387, 388 389, 123 tờ bản đồ D2, thành thửa đất mới số 1204, tờ bản đồ 60 diện tích 7.289m², được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018.

* *Tại bản tự khai ngày 24/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:* Năm 2000, thực hiện quy hoạch Nhà máy xử lý nước thải Bình Hòa, BIC tiến hành bồi thường giải tỏa cho người dân. Sau đó, BIC tiến hành hoán đổi đất cho bà Phạm Thị Tuyết M, ngụ tại số 47/A8 T, phường quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 12.547m², gồm các thửa đất số: 387, 388, 389, 123, 390, 121, 122, 142, 139, 140, 141, 149 tờ bản đồ D2, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Bình H, huyện Thuận A. Sau khi được BIC hoán đổi đất, bà M có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ngày 29/4/2002 và được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/BH ngày 10/7/2002 với tổng diện tích 12.547m² gồm các thửa đất nêu trên.

Ngày 02/8/2002, bà M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 12.547m² cho bà Trần Kim D, được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A xác nhận chính lý tại trang 4 cấp cho bà D ngày 16/9/2002. Đến ngày 23/8/2017, vợ chồng bà D, ông Nguyễn Thanh H chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất số: 387, 388, 389, 123, 390, 121, 122, 142, 139, 140, 141, 149, 400, 408 tờ bản đồ D2, tọa lạc tại khu phố Bình Đ, phường Bình H cho bà H. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà H tiến hành kê khai đăng ký và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018.

Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 cấp cho ông Lưu Văn R đối với thửa đất 123 diện tích 3.086m² đo đạc thực tế 2.938m² chưa bị thu hồi và trùng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 cấp cho bà H nên Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A ban hành Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do UBND huyện (nay là thị xã) Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R” theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013. Bản thân bà H cũng là người dân tại địa phương và những người xung quanh khu vực ông Lưu Văn R sinh sống đều biết rõ hộ ông R không còn thửa đất nào khác ngoài thửa đất số 119, tờ bản đồ D2, diện tích 3.612m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01325 QSDĐ/BH ngày 16/10/2000.

Bà H không đồng ý việc các anh chị em của bà Lưu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A. Việc Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 cho ông R đối với thửa đất số 123, diện tích 3.086m²; ông R thấy không đúng vị trí số thửa, không đúng diện tích nên ông R đã không nhận giấy và không chịu đóng thuế trước bạ đối với thửa đất trên. Sau khi tiến hành xác minh lại, Ủy ban nhân dân huyện Thuận A mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01325 SDD/BH ngày 16/10/2000 cho ông Lưu Văn R đối với thửa đất số 119, đây chính là thửa đất mà ông R cùng các con của ông R hiện đang sinh sống.

Đối với việc bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Kim D và ông Nguyễn Thanh H là hoàn toàn ngay tình, hợp pháp do phần đất nhận chuyển nhượng có nguồn gốc rõ ràng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà H tiến hành đăng ký, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Do hiện nay tuổi đã cao, điều kiện đi lại khó khăn nên bà H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Tại Văn bản số 338/2000/CV/IDC-PQLĐĐ ngày 18/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (BIC) trình bày:* Hồ sơ liên quan đến phần đất có diện tích 3.086m² thuộc thửa số 123, tờ bản đồ D2 thuộc quy hoạch dự án Nhà máy xử lý nước thải Bình Hòa trước đây đã được BIC hoàn tất việc bồi thường, giải tỏa. Tuy nhiên, qua nhiều lần di dời văn phòng làm việc, nên hiện nay hồ sơ trên đã bị thất lạc. Do đó, BIC không tìm thấy để cung cấp hồ sơ theo đề nghị của Tòa án.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, bà Trần Kim D, ông Nguyễn Thanh H, Phạm Thị Tuyết M:* Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số số 48/2020/HC-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 130, các Điều 157, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 105, điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 56, Điều 83a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “về sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ”; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Lưu Thị L, Lưu Văn M, Lưu Thị Ngọc, Lưu Thị Ng, Lưu Thị Ngọc T, Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Kim H đối với Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp cho hộ ông Lưu Văn R” và yêu cầu hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/AH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 7.289m² tại các thửa 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ D2 (hợp thành thửa mới là thửa số 1204 tờ bản đồ số 60).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2020 ông Nguyễn Chế T là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là các ông bà Lưu Thị L, Lưu Văn M, Lưu Thị Ngọc, Lưu Thị Ng, Lưu Thị Ngọc T, Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Kim H có đơn kháng cáo

toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R” và yêu cầu hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/AH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận A cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 7.289m² tại các thửa 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ, D2 (hợp thành thửa mới là thửa số 1204 tờ bản đồ số 60).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Nguyễn Chê T là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R” và yêu cầu hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/AH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 7.289m² tại các thửa 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ, D2 (hợp thành thửa mới là thửa số 1204 tờ bản đồ số 60).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ủy ban nhân dân thành phố T căn cứ vào kết quả xác minh của Thanh Tra để ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông R là không đúng vì lời khai của người làm chứng không thống nhất. Mặt khác việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M khi chưa thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông R là vi phạm Luật Đất đai năm 1993, hơn nữa BIC không cung cấp được hồ sơ đối đất với bà M. Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R” và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M và một phần giấy chứng nhận cấp cho bà H.

- Người bị kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của những người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Chế T là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định hành chính số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/AH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc cấp cho bà Nguyễn Thị H. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định hành chính số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/AH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc cấp cho bà Nguyễn Thị H là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

[3.2] Xét trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định:

Người khởi kiện cho rằng thửa đất số 123, tờ bản đồ D2 tại khu phố Bình Đức, phường Bình H có nguồn gốc của bà Lê Thị Vẹn là bà cố của những người khởi kiện khai phá, dựng từ chế độ cũ, được Tổng nha Điền địa cấp Trích lục địa bộ. Sau năm 1975, ông R tiếp tục canh tác, sử dụng trồng hoa màu cho đến năm 1993. Sau đó ông R có “Đơn xin kê khai nguồn gốc đất”, được Ủy ban nhân dân xã Bình H xác nhận ngày 01/8/2000. Đến ngày 23/8/2000, ông R được Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH. Trên đất có ngôi mộ của ông bà được chôn cất trước năm 1975.

Theo trích lục địa bộ của Ty Điền – Địa của chế độ Việt Nam Cộng Hòa xác định bà Lê Thị Vẹn có đứng tên kê khai tại thửa 595, thửa 596 tờ bản đồ số 612, 613. Ngày 01/8/2000 ông R có đơn kê khai nguồn gốc đất: “Ông R có phần đất do ông bà để lại cho cha ruột là ông Lưu Văn Tô đứng địa bộ thửa 596 tờ bản đồ 613 có xác nhận của người làm chứng là ông Phước, ông Minh, Ủy ban nhân dân xã Bình H xác nhận nguồn gốc đất của ông bà để lại Lưu Văn R sử dụng từ trước năm

1975 diện tích 3.612m^2 thửa 119 tờ bản đồ D2 nay ông R xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất”. Ngày 01/8/2020 Ủy ban nhân dân phường Bình H có ý kiến “Thuận cấp thửa 119 tờ D2 diện tích 3.612m^2 T-V cho ông Lưu Văn R”.

Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tại Ủy ban nhân dân phường Bình H, thành phố Thuận A về việc kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299 đối với thửa đất 123 tờ bản đồ D2, xác định: “Theo bản đồ 299, tờ bản đồ số 01 xã Bình H cũ, nay là phường Bình H với sổ mục kê đất đai thì thửa đất số 123 tờ bản đồ D2 trước đây theo bản đồ 299 là một phần của các thửa đất số 846, 847, 848, 849, 850 và 851. Theo sổ mục kê đất đai thì không có ai tên Lưu Văn R đăng ký, kê khai đối với các thửa đất này”; những người đăng ký kê khai các thửa đất trên là các bà Huỳnh Thị X, Nguyễn Thị M, Lê Thị N, Ngô Thị D và Nguyễn Thị A. “Theo sổ mục kê tờ bản đồ số 2 của khu G, ấp Đ, xã Tân T, huyện Thuận A, tỉnh Sông Bé thì ông Lưu Văn R có kê khai đăng ký đối với các thửa số 55, 56 với tổng diện tích $850\text{m}^2 + 2.650\text{m}^2 = 3.500\text{m}^2$ ”.

Năm 1995 - 1996, thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương, BIC tiến hành đền bù đất cho các hộ dân có đất nằm trong dự án giải tỏa mặt bằng thực hiện Công trình khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore nhưng đến ngày 19/3/1997, ông R mới có “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” và “Tờ tự khai nguồn gốc đất đang sử dụng” đối với khu đất gia đình ông R đang sinh sống, theo đơn ông R xác định tổng diện tích đất đai “60 xào” hiện trạng đất là “thành phần đất sử dụng nhà và 1 phần cây ăn trái”, tình hình đăng ký “bị mất giấy đăng ký 2-9”, đơn được Ủy ban nhân dân xã Bình H xác nhận ngày 30/12/1997 (bút lục 69 69a, 69b). Đến năm 2000, ông R tiếp tục có “Đơn xin kê khai nguồn gốc đất”, được Ủy ban nhân dân xã Bình H xác nhận ngày 01/8/2000 với nội dung: “Nguồn gốc đất của ông bà để lại có TLĐB, ông Lưu Văn R sử dụng từ năm 1975. DT: 3.086m^2 thửa 123, tờ D2. Nay ông R xin HTHQSĐĐ” (bút lục 96). Quá trình BIC tiến hành đền bù thực hiện dự án Công trình khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore vào năm 1996, thời điểm này ông R còn sống nhưng không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc đền bù đối với thửa đất số 123 tờ bản đồ D2.

Sau khi đền bù giải tỏa, BIC thực hiện dự án Nhà máy xử lý nước thải Bình Hòa nên tiến hành hoán đổi đất với bà Phạm Thị Tuyết M và bà M tiến hành đăng ký, kê khai cấp quyền sử dụng đất tại các thửa đất số: 387, 388, 389, 123, 390, 121, 122, 142, 139, 140, 141, 149 tờ bản đồ D2 với tổng diện tích 12.547m^2 (trong đó có thửa đất số 123) nhưng ông R cũng không khiếu nại hay tranh chấp. Ngày 02/8/2002, bà M đến Ủy ban nhân dân phường Bình H lập hợp đồng chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất 12.547m^2 cho bà Trần Kim D và Ủy ban nhân dân huyện Thuận A điều chỉnh biên động cấp lại cho bà D ngày 16/9/2002. Đến năm 2018, bà D chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất 12.347m^2 cho bà H và bà H đã kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quá trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Blập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 cho bà H đối với các thửa đất số 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ D2 (hợp thành thửa mới là thửa số 1204 tờ bản đồ số 60, diện tích đất 7.289m^2 , mới phát hiện Ủy ban nhân dân huyện Thuận A trước đây đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSĐĐ/BH ngày 23/8/2000 cho ông R đối với thửa đất số 123 tờ bản đồ D2.

Tại Biên bản làm việc với các thành viên hộ Lưu Văn R ngày 27/4/2018 các con của ông R là Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Thị Ng và Lưu Kim H đều xác định: “Gia đình không có thửa đất 123 tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m² và không ai giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên”. Ngày 07/5/2018 BIC có Công văn xác định thửa đất 123 thuộc nhà máy nước thải Bình Hòa đã được BIC bồi thường cho ông Căn Văn T theo biên bản đền bù số 8/BB-ĐB Ngày 30/9/1996 do Ban chỉ đạo giải tỏa đền bù tỉnh Sông Bé lập ngày 30/9/1996 (BL 122-123); Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2018 ông Căn Văn T khai thửa đất 123 do ông T sử dụng sau năm 1975 và đến năm 1996 Ban chỉ đạo giải tỏa đền bù đã tiến hành giải tỏa và đền bù cho gia đình ông, ông R không sử dụng thửa 123 và ông R chỉ có thửa đất có gắn căn nhà hiện gia đình đang sử dụng để ở. Ngày 28/5/2018 ông Lưu Văn M, bà Lưu Thị Ngọc T cũng có lời khai: Ông R có canh tác thửa đất 123 từ năm 1985 đến năm 1993 thì bỏ đất không sản xuất, gia đình không ai cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này; Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 11/11/2020 (BL số 387-388) đã xác định hiện trạng thửa đất 123 là đất trống không có các ngôi mộ trên đất như lời khai của những người khởi kiện. Ngoài ra những người làm chứng ông Căn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lưu Thị B khai rằng năm 2002 sau khi bà D nhận chuyển nhượng đất của bà M có thuê ông R trông coi đất cho bà D đến năm 2014, trong khoảng thời gian này ông R và các con đều không có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với thửa đất 123 do bà D nhận chuyển nhượng của bà M.

Như vậy có căn cứ xác định Ông R chỉ đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg đối với thửa đất số 55, 56 tờ bản đồ số 2 thuộc khu Gò Chai, ấp Đông Nhi, xã Tân Thới (cũ) với diện tích 3.500m² (thửa mới số 119, tờ bản đồ D2). Ông R không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ D2 và ông R cũng không có sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 cho ông R đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ D2 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013 ban hành Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ D2, diện tích 3.086m² tọa lạc tại khu phố Bình Đức, phường Bình H. Năm 1996, Ban Chỉ đạo Giải tỏa - Đền bù tỉnh Sông Bé thực hiện giải tỏa và bồi thường thửa đất số 123 để thực hiện dự án Nhà máy xử lý nước thải Bình Hòa. Đến ngày 07/02/2002, thửa đất số 123, tờ bản đồ D2 được Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - Công ty cổ phần (BIC) hoán đổi cho bà Phạm Thị Tuyết M quản lý, sử dụng. Bà M thực hiện đăng ký, kê khai cấp quyền sử dụng đất tại các thửa đất số: 387, 388, 389, 123, 390, 121, 122, 142, 139, 140, 141, 149 tờ bản đồ D2 với tổng diện tích 12.547m² (trong đó có thửa đất số 123) không có phát sinh tranh chấp. Nên Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993; việc Ủy ban nhân dân huyện Thuận A điều chỉnh biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M, chuyển sang tên bà D ngày 16/9/2002 là có căn cứ. Ngày 23/8/2017 bà D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H phù hợp với quy định tại các Điều 166, 167, 168, 169 của Luật Đất đai năm

2013. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 cho bà H đối với diện tích 7.289m² gồm các thửa số 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ D2 (hợp thành thửa mới là thửa số 1204 tờ bản đồ số 60) là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của những người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/BH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh biến động cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002 và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 123 tờ bản đồ D2 là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người khởi kiện và lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo bà Lưu Thị L, ông Lưu Văn M, bà Lưu Thị N, bà Lưu Thị Ng, bà Lưu Thị Ngọc T, ông Lưu Sa H, bà Lưu Thị N1, bà Lưu Kim H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lưu Thị L, ông Lưu Văn M, bà Lưu Thị N, bà Lưu Thị Ng, bà Lưu Thị Ngọc T, ông Lưu Sa H, bà Lưu Thị N1, bà Lưu Kim H. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2020/HC-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 105, điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 56 và Điều 83a Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “về sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông, bà Lưu Thị L, Lưu Văn M, Lưu Thị Ngọc, Lưu Thị Ng, Lưu Thị Ngọc T, Lưu Sa H, Lưu Thị N1, Lưu Kim H việc yêu cầu hủy Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Thuận A “về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01277 QSDĐ/BH ngày 23/8/2000 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho hộ ông Lưu Văn R” và hủy một phần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02124 QSDĐ/BH ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận A cấp cho bà Phạm Thị Tuyết M, điều chỉnh cấp lại cho bà Trần Kim D ngày 16/9/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09069 ngày 20/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích 7.289m² tại các thửa 387, 388, 389, 123 tờ bản đồ D2 (hợp thành thửa mới là thửa số 1204 tờ bản đồ số 60).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lưu Thị L, ông Lưu Văn M, bà Lưu Thị N bà Lưu Thị Ng, bà Lưu Thị Ngọc T, ông Lưu Sa H, bà Lưu Thị N1, bà Lưu Kim H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0044875, 0044876, 0044877, 0044878, 0044879, 0044880, 0044881, 0044882 ngày 31/12/2020 của Cục Thi hành án tỉnh Bình Dương. Các đương sự đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)